BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2931/QĐ-ĐHSPKT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng và công nhận các danh hiệu thi đua tập thể năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về việc công tác cán bộ lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1284a/QĐ-ĐHSPKT ngày 10/8/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (Theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/7/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Đại học;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-ĐHSPKT ngày 13/9/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM về việc ban hành quy định về Công tác Khen thưởng và Kỷ luật đối với sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3289/QĐ-ĐHSPKT ngày 03/11/2022; Quyết định số 936/QĐ-ĐHSPKT ngày 31/3/2023; Quyết định số 2192/QĐ-ĐHSPKT ngày 17/7/2023 và Quyết định số 468/QĐ-ĐHSPKT ngày 21/02/2024 Về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy

định về Công tác Khen thưởng và Kỷ luật đối với sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3170/QĐ-ĐHSPKT ngày 01/11/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện năm học 2023 – 2024;
Theo đề nghị của trưởng phòng Tuyển sinh & Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng **2.500.000 đồng/01 tập thể** cho **15** tập thể có tên trong danh sách sau đây do đã đạt danh hiệu **Tập thể lớp Xuất sắc** năm học 2023 – 2024:

TT	Tên khoa	Ngành	Lớp
1.	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	20134A
2.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	21110ST1
3.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	21110ST2
4.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	20110CLST5
5.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	21110IS
6.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20145CLA1
7.	Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	211512
8.	Kinh tế	Kế toán	20125CL1
9.	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211361
10.	Kinh tế	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	231322
11.	Kinh tế	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	221321
12.	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	211241
13.	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	21124CL3
14.	Ngoại ngữ	Ngôn ngữ Anh	20131BE
15.	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	23950

Điều 2. Công nhận danh hiệu **Tập thể lớp Tiên tiến** năm học 2023 – 2024 cho **85** tập thể có tên trong danh sách sau đây:

TT	Tên khoa	Ngành	Lớp
1.	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Công nghệ chế tạo máy	21143CLN2
2.	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ nghệ gỗ và nội thất	21138
3.	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Kỹ thuật công nghiệp	21104
4.	Cơ Khí Chế Tạo Máy	Robot và trí tuệ nhân tạo	21134NT
5.	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	211472
6.	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô	211454
7.	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô	211452
8.	Cơ Khí Động Lực	Công nghệ kỹ thuật ô tô	211453

TT	Tên khoa	Ngành	Lớp
9.	Cơ Khí Động Lực	Năng lượng tái tạo	21154
10.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	20128P
11.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	20128H
12.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21128CLCP
13.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21128CLCH
14.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21128P
15.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21128H
16.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	231282
17.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	22128CLCV
18.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	22128CLCH
19.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	231281
20.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	22128CLCP
21.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	22128HC
22.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21128V
23.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	22128VC
24.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật hóa học	21128CLCD
25.	Công nghệ Hóa học và Thực phẩm	Công nghệ kỹ thuật môi trường	20150
26.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	221103
27.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	23110CLC5
28.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	23110CLC3
29.	Công nghệ Thông tin	Công nghệ thông tin	23110CLC2
30.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ chế tạo máy	20143CLA3
31.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	20146CLA2
32.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	20144CLA2
33.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20142CLA3
34.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20147CLA1
35.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	20147CLA2

TT	Tên khoa	Ngành	Lớp
36.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật ô tô	20145CLA4
37.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ kỹ thuật ô tô	23145FIE
38.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ thông tin	20110CLA1
39.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ thông tin	23110FIE
40.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ thực phẩm	21116FIE
41.	Đào tạo quốc tế	Công nghệ thực phẩm	22116FIE
42.	Đào tạo quốc tế	Quản lý công nghiệp	20124CLA4
43.	Đào tạo quốc tế	Quản lý công nghiệp	20124CLA3
44.	Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	211421
45.	Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	211422
46.	Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	201512
47.	Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	231512
48.	Điện - Điện tử	Công nghệ kỹ thuật máy tính	221191
49.	Điện - Điện tử	Hệ thống nhúng và IoT	21139
50.	In và Truyền thông	Công nghệ kỹ thuật In	21158B
51.	In và Truyền thông	Công nghệ kỹ thuật In	20158I
52.	In và Truyền thông	Thiết kế đồ họa	23156
53.	Khoa học ứng dụng	Công nghệ vật liệu	21130POLY
54.	Kinh tế	Kế toán	23125CLC
55.	Kinh tế	Kế toán	23125
56.	Kinh tế	Kế toán	22125CL2
57.	Kinh tế	Kế toán	22125CL4
58.	Kinh tế	Kế toán	22125
59.	Kinh tế	Kế toán	22125CL3
60.	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	221361
61.	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	211362
62.	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	201362
63.	Kinh tế	Kinh doanh quốc tế	231361
64.	Kinh tế	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	221323
65.	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	221242
66.	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	23124CLC3
67.	Kinh tế	Quản lý công nghiệp	23124CLC2
68.	Kinh tế	Thương mại điện tử	22126
69.	Kinh tế	Thương mại điện tử	211262
70.	Kinh tế	Thương mại điện tử	211261
71.	Kinh tế	Thương mại điện tử	22126CL6
72.	Kinh tế	Thương mại điện tử	22126CL3
73.	Kinh tế	Thương mại điện tử	22126CL5
74.	Kinh tế	Thương mại điện tử	22126CL1

TT	Tên khoa	Ngành	Lớp
75.	Kinh tế	Thương mại điện tử	22126CL4
76.	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	22950A
77.	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	20950
78.	Ngoại ngữ	Sư phạm Tiếng Anh	21950
79.	Thời trang và Du lịch	Công nghệ may	211091
80.	Thời trang và Du lịch	Công nghệ may	211092
81.	Thời trang và Du lịch	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	21159
82.	Thời trang và Du lịch	Thiết kế thời trang	22123
83.	Thời trang và Du lịch	Thiết kế thời trang	23123
84.	Xây dựng	Kiến trúc nội thất	23140
85.	Xây dựng	Kiến trúc nội thất	21140

Điều 3. Ban Chủ nhiệm các Khoa thực hiện cấp giấy giới thiệu cho Ban Đại diện các lớp có tên ở Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Ban Đại diện các lớp có tên ở Điều 1 liên hệ phòng Kế hoạch Tài chính để nhận các khoản tiền khen thưởng theo quy định. Việc chi khen thưởng tập thể được thực hiện dưới hình thức chi trực tiếp bằng tiền mặt tại phòng Kế hoạch Tài chính.

Điều 5. Giao phòng Tuyển sinh và CTSV thực hiện cấp giấy khen cho các tập thể có tên ở Điều 1, 2 có nhu cầu nhận giấy khen. Ban Đại diện các lớp liên hệ phòng Tuyển sinh và CTSV để đăng ký cấp giấy khen theo hướng dẫn của phòng Tuyển sinh và CTSV.

Điều 6. Các ông (bà) là trưởng của các đơn vị: phòng Tuyển sinh và Công tác Sinh viên, phòng Đào tạo, phòng Kế hoạch Tài chính, các Khoa/Viện/Trung tâm có quản lý sinh viên và các cá nhân, đơn vị khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Lưu: VT, P. TSCTSV (05b).

Q. HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

PGS. TS Lê Hiếu Giang